TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 8 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh TH, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST - HNGĐ ngày 24/4/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1999; Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐH, xã TD, huyện TH, tỉnh TH; Nơi ở hiện nay: S1.05 Vinhome.Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Lê Ngọc S, sinh năm 1998; Nơi ĐKHKTT: Thôn ĐH, xã TD, huyện TH, tỉnh TH; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 2, Đội 16, Trại giam số 5, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh TH. Anh S vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã TD, huyện TH, tỉnh TH; Ông T1 có mặt tại phiên tòa.

- Bà Lê Thị T2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã TD, huyện TH, tỉnh TH;

Bà T2 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2023, bản tự khai ngày 4/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện TH, tỉnh TH vào ngày 28/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng hay chửi bới xúc phạm nhau, đầu năm 2021 anh S bị bắt về việc tổ chức trái phép chất ma túy, hiện anh Lê Ngọc S đang chấp hành án tại Trại giam số 5, thời gian chấp hành án 07 năm 06 tháng tù; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Lê Ngọc S.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Trường Hải sinh ngày 06/11/2020. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu anh Lê Ngọc S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ngọc S không có bản khai, không ký nhận các văn bản tòa án tống đạt, tại buổi làm việc về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải có sự chứng kiến của cán bộ Trại giam số 5 anh S có ý kiến: Không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị T và đề nghị con chung là cháu Lê Ngọc Trường Hải giao cho ông bà nội nuôi, về tài sản anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Ngọc T1 là bố đẻ của anh Lê Ngọc S tại đơn đề nghị ngày 07/7/2023 và tại phiên tòa có ý kiến: Chị Lê Thị T và anh Lê Ngọc S kết hôn tháng 6 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020 sinh cháu Lê Ngọc Trường Hải, đến tháng 10 năm 2021 chị T bỏ đi không biết đi đâu làm gì ông T1 phải trông nom cháu Lê Ngọc Trường Hải, thuê người chăm sóc, nay ông yêu cầu chị T phải trả tiền thuê người trông cháu Hải 5.000.000đ/tháng và tiền bỉm sữa mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Bà Lê Thị T2 là mẹ đẻ của anh Lê Ngọc S hiện đang trông nom cháu Lê Ngọc Trường Hải có quan điểm tại phiên tòa: Chị T ít về thăm con, nay cháu T và cháu S ly hôn đề nghị chị T trả tiền chăm sóc con cho bà T2 và ông T1 như ông T1 yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị Hà Thị T và anh Lê Ngọc S có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S lần 2 vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đại diện viện kiểm sát vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh S và đại diện viện kiểm sát.

[2]. Về hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Lê Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh Lê Ngọc S vi phạm pháp luật, bị kết án

phạt tù 7 năm 06 tháng tù, hiện đang chấp hành án; Thấy rằng anh S vi phạm pháp luật, thời gian kết án dài, vụ án cũng đã có thời gian dài cho hai bên suy nghĩ hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh S thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Trường Hải sinh ngày 06/11/2020, chị T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của Lê Ngọc Trường Hải sinh ngày 06/11/2020 có ghi họ tên bố là anh Lê Ngọc S, họ tên mẹ là Hà Thị T, như vậy đủ cơ sở khẳng định Lê Ngọc Trường Hải sinh ngày 06/11/2020 là con chung của chị T và anh S. Hiện tại anh Lê Ngọc S đang chấp hành án phạt tù, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh việc vắng mặt của chị T tại địa phương, theo như tài liệu tòa án thu thập được và những tài liệu (Bản ảnh) chị T cung cấp, thấy rằng chị T vẫn thường về thăm con sau khi anh S đi chấp hành án; Theo khoản 2 và 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Cháu Hải chưa đủ 03 tuổi, hiện tại anh S đang chấp hành án nên cần giao cháu Hải cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh S phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

[4]. Về tài sản và công nợ: Anh S và chị T không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về yêu cầu trả chi phí trông nom cháu Lê Ngọc Trường Hải của ông Lê Ngọc T1 và bà Lê Thị T2, nếu chị T không để ông T1 nuôi cháu Hải, thấy rằng ông bà có nghĩa vụ chăm sóc con cháu, khi bố mẹ cháu đang còn sống cũng như đã mất, hoặc khi cha mẹ không có điều kiện gần gủi chăm sóc con cái. Quá trình anh Lê Ngọc S đi chấp hành án, chị T vẫn thường xuyên về thăm con gửi tiền nuôi cháu Hải như ông T1 thừa nhận, chị T cho rằng mỗi lần về đón con thì gia đình anh S ngăn cấm nên chị không thể đón con ở cùng được; việc ông T1 yêu cầu chị T trả tiền chăm nuôi cháu Hải được pháp luật cho phép, tuy nhiên sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông T1 mới có đơn yêu cầu, nên dành quyền khởi kiện trong một vụ án khác khi ông T1 và bà T2 có đơn yêu cầu.

[6]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Ngọc S.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Ngọc Trường Hải sinh ngày 06/11/2020 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2021/0006198 ngày 24/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông T1 và bà T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện TH;*
- *TAND tỉnh TH;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hạnh **Lê Dũng Tấn** **Hoàng Văn Đạt**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện TH;*
- *TAND tỉnh TH;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hùng **Trần Công Lâm** **Hoàng Văn Đạt**